TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Nam

2. Bà Thạch Thị Yến Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Quãng Thanh Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa: Ông Từ Đức Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2018 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Thạch Thị N, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Gi, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Thạch V, sinh năm 1994 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Gi, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2018, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Thạch Thị N trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014 chị Thạch Thị N và anh Thạch V xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì chị và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn luôn bất hòa, cải vã do anh V thường uống rượu không

lo gia đình nên chị N về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2015 đến nay. Do đó chị N thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Thạch V.

- Về con chung tên: Thạch Thị Ngọc H sinh ngày 19/9/2015, hiện chị N đang nuôi dưỡng nên chị N yêu cầu được quyền nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con, chị N không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị N không có yêu cầu nào khác.

Phía bị đơn Thạch V vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh V có lời khai như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị N chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định và trong cuộc sống vợ chồng có lời qua tiếng lại cải vã với nhau không hòa giải được, đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với Thạch Thị N.

- Về con chung tên Thạch Thị Ngọc H sinh ngày 19/9/2015, do chị N đang nuôi dưỡng, anh V đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con, anh V không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Anh V xác định không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên việc chấp hành pháp luật của anh Thạch V là chưa đúng.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị N được ly hôn với anh V; Giao con chung tên Thạch Thị Ngọc H sinh năm 2015 cho chị N được quyền nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung chị N và anh V không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Do chị N là người dân tộc thiểu số, đang sinh sống trong xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ án phí cho chị N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Thạch V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Thạch Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Thạch V và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy giữa chị Thạch Thị N và anh Thạch V chung sống có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị N và anh V là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị N và anh V luôn bất đồng quan điểm, anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện để hàn gắn lại và nhiều lần được hòa giải hàn gắn nhưng anh V không đến tham dự, do đó xét thấy anh V không có thiện chí hàn gắn. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau lẫn nhau nên chị N yêu cầu được ly hôn và anh V đồng ý ly hôn với chị N. Qua đó, Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị chị Thạch Thị N.

- Về nuôi con: Chị N và anh V xác định có một con chung tên Thạch Thị Ngọc H sinh ngày 19/9/2015, hiện cháu H do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Xét thấy, cháu H do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và trong thời gian nuôi cháu H thì chị N đảm bảo cuộc sống của con ổn định về vật chất, tinh thần và phía anh V cũng không có tranh chấp về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu H cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nhưng chị N và anh V không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị N và anh V không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Xét thấy chị Thạch Thị N là người dân tộc thiểu số sống tại xã T thuộc xã đặc biệt khó khăn và chị N có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định quy định mức thu, miễn, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét miễn toàn bộ án phí cho chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị N được ly hôn với anh Thạch V.

***- Về quyền nuôi con*:** Giao con chung tên Thạch Thị Ngọc H sinh ngày 19/9/2015 cho chị Thạch Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Thạch V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho chị Thạch Thị N.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Thạch V vắng mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa